

BÀN VỀ CẠNH TRANH LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

TS NGUYỄN NHƯ QUỲNH

Phó Chánh Thanh tra Bộ KH&CN

Cạnh tranh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) tồn tại một cách đương nhiên và ngày càng gia tăng trong hoạt động thương mại quốc tế. Cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế xuất phát từ mối quan hệ vốn có, chặt chẽ giữa ba yếu tố: cạnh tranh - SHTT - thương mại quốc tế. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề cập một cách khái quát mối quan hệ giữa cạnh tranh, SHTT và thương mại quốc tế, đồng thời nêu lên các dạng hành vi cơ bản phát sinh từ mối quan hệ này.

Mối quan hệ giữa ba yếu tố: cạnh tranh - SHTT - thương mại quốc tế

Về mối quan hệ giữa cạnh tranh và SHTT

Cạnh tranh và SHTT, pháp luật cạnh tranh và pháp luật SHTT là hai lĩnh vực giao thoa với nhau, xung đột nhưng đồng thời lại bổ sung cho nhau¹. Tương tự như tài sản hữu hình, quyền ngăn cấm chủ thể khác tự do sử dụng tài sản trí tuệ không tạo ra quyền lực thị trường². Tức là, bản thân sự tồn tại của quyền SHTT không làm phát sinh các vấn đề độc quyền. Quyền SHTT có thể tạo ra quyền lực thị trường đáng kể trong những trường hợp cụ thể và thực hiện quyền SHTT có thể gây tổn hại đến lợi ích của người tiêu dùng. Ngược lại, chức năng của pháp luật cạnh tranh là duy trì cạnh tranh hiệu quả và bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng bằng cách dỡ bỏ những rào cản đối với cạnh tranh³. “Từ góc độ quyền SHTT, pháp luật cạnh tranh có thể bị coi như một công cụ can thiệp, vi phạm quyền của chủ thể nắm giữ quyền SHTT và do đó, tác động đến nền tảng của pháp luật SHTT. Hệ quả là, pháp luật SHTT có thể gây nguy hiểm cho pháp

luật cạnh tranh và ngược lại”⁴. Sự giao thoa giữa pháp luật SHTT và pháp luật cạnh tranh thường phát sinh từ năm nhóm quan hệ chính sau: Thiết lập quyền SHTT (trong tiếng Anh là “acquisition of IPRs”) như thông qua hợp nhất các pháp nhân; Thỏa thuận chuyển giao công nghệ; Thỏa thuận hợp tác giữa các doanh nghiệp; Từ chối chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHTT; Hết quyền SHTT.

Bên cạnh xung đột, pháp luật SHTT và pháp luật cạnh tranh cùng chia sẻ mục đích chung là thúc đẩy đổi mới và tăng trưởng kinh tế, đồng thời đem đến nhiều lợi ích hơn cho người tiêu dùng⁵. Pháp luật cạnh tranh và pháp luật SHTT đều “chia sẻ những mục tiêu cơ bản giống nhau trong thúc đẩy phúc lợi cho người tiêu dùng và phân bổ hiệu quả các nguồn lực; đổi mới thiết lập bộ phận thiết yếu và năng động của nền kinh tế thị trường mở và cạnh tranh⁶. Trước đây, pháp luật SHTT được coi là tạo ra độc quyền, mâu thuẫn với mục tiêu chống độc quyền của pháp luật chống độc quyền nhưng ngày nay, cả pháp luật SHTT và pháp luật chống độc quyền đều “hoạt động song song mang đến những công nghệ, sản

phẩm và dịch vụ mới cho người tiêu dùng với giá thấp hơn”⁷.

Về mối quan hệ giữa quyền SHTT và thương mại quốc tế⁸

Xuất phát từ đặc tính vô hình và khía cạnh thương mại, tài sản trí tuệ dễ dàng vượt qua biên giới quốc gia và là một thành tố gắn bó mật thiết với hoạt động thương mại quốc tế⁹. Mặc dù quyền SHTT có tính lãnh thổ (territorial intellectual property rights), nhưng quyền SHTT có mối quan hệ chặt chẽ với thương mại quốc tế. Quyền SHTT có thể tham gia vào các giao dịch thương mại quốc tế dưới hai dạng: *Gắn với hàng hóa xuất nhập khẩu được bảo hộ quyền SHTT* (gồm hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu theo các kênh phân phối chính thức được sự cho phép của chủ thể nắm giữ quyền SHTT và hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu song song theo các kênh nhập khẩu/xuất khẩu song song”¹⁰; *Là đối tượng trực tiếp trong các giao dịch thương mại quốc tế liên quan đến quyền SHTT* như chuyển giao quyền SHTT, chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHTT, nhượng quyền thương mại và chuyển giao công nghệ. Mối quan hệ giữa quyền SHTT và thương mại quốc tế rất rõ

ràng trong một số lĩnh vực. Chẳng hạn, kiểu dáng công nghiệp có mối quan hệ không thể phủ nhận với lĩnh vực dệt may và chỉ dẫn địa lý có mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động thương mại liên quan đến các sản phẩm nông nghiệp.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, tài sản trí tuệ đóng vai trò quan trọng hơn bao giờ hết trong kinh doanh quốc tế và giao dịch thương mại quốc tế¹¹. Thực tế chỉ ra rằng thực hiện quyền SHTT có thể thúc đẩy hoặc tạo ra những rào cản cho thương mại quốc tế. Thực tế thương mại quốc tế cho thấy: quyền SHTT là công cụ được sử dụng để cản trở hoặc thúc đẩy thương mại quốc tế. Bảo hộ, khai thác và thực thi quyền SHTT không chỉ ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trực tiếp tham gia vào quan hệ thương mại quốc tế mà còn ảnh hưởng đến các chủ thể của quyền SHTT, hoạt động thương mại, phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia cũng như thương mại toàn cầu.

Về mối quan hệ giữa cạnh tranh và thương mại quốc tế

Đặc trưng của hoạt động thương mại là cạnh tranh. Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh là yếu tố kích thích kinh doanh, là động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động và sự phát triển của nền kinh tế. Nền kinh tế thị trường không thể vận hành nếu không có cạnh tranh. Như vậy, cạnh tranh là quy luật khách quan của nền sản xuất hàng hóa. Khi hàng hóa, dịch vụ được cung cấp càng nhiều, số lượng người cung cấp càng đông thì cạnh tranh càng gay gắt. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ như hiện nay, cạnh tranh giữa các chủ thể kinh doanh trong thương mại quốc tế càng quyết liệt hơn. Như vậy, cạnh tranh trong thương mại quốc tế không những tồn tại tất yếu mà còn ở mức độ mạnh mẽ.

Về mối quan hệ giữa cạnh tranh - sở hữu trí tuệ - thương mại quốc tế

Phần trình bày nêu trên đã chỉ ra mối quan hệ đan xen vốn có và chặt chẽ giữa cạnh tranh, SHTT và thương mại quốc tế. Do đó, sự tồn tại của cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế mang tính đương nhiên. Sau đây là một số ví dụ về mối quan hệ giữa 3 yếu tố này:

Sự tác động của việc áp dụng cơ chế hết quyền quốc gia với tự do thương mại và cạnh tranh: cơ chế hết quyền quốc gia với sự ngăn chặn thương mại song song và cho phép nhà sản xuất chia cắt thị trường quốc tế ảnh hưởng tiêu cực đến thương mại quốc tế. Cơ chế hết quyền quốc gia cho phép nhà sản xuất ngăn chặn nhập khẩu hàng hoá vào một quốc gia mặc dù hàng hoá đó đã được đưa ra thị trường¹². Bằng việc cho phép chủ sở hữu quyền SHTT sử dụng mô hình phân biệt giá cấp ba và mở rộng kiểm soát theo chiều dọc, về nguyên tắc cơ chế hết quyền quốc gia dẫn đến hệ quả giảm cạnh tranh với cùng một nhãn hiệu (tiếng Anh là “intra-brand competition”)¹³. Cụ thể, cạnh tranh giữa những nhà bán lẻ, hoặc nhà phân phối sản phẩm mang cùng một nhãn hiệu giảm¹⁴.

Sự tác động của việc áp dụng cơ chế hết quyền quốc tế đối với thương mại tự do và cạnh tranh: trong mối quan hệ với thương mại tự do và cạnh tranh, cơ chế hết quyền quốc tế với sự thừa nhận thương mại song song góp phần dỡ bỏ những rào cản phi thuế quan đối với thương mại quốc tế. Do đó, áp dụng cơ chế hết quyền quốc tế cho phép thúc đẩy đáng kể thương mại quốc tế. Nhiều nước đang phát triển nhìn nhận thương mại song song gắn với cơ hội xuất khẩu những sản phẩm thế mạnh của họ. Hơn nữa, khác với

hết quyền quốc gia, hết quyền quốc tế thúc đẩy cạnh tranh với cùng một nhãn hiệu. Ngăn cấm thương mại song song ngăn chặn cạnh tranh với cùng một nhãn hiệu bằng cách trao cho chủ sở hữu quyền SHTT quyền kiểm soát theo chiều dọc hệ thống phân phối sản phẩm mang đối tượng SHTT được bảo hộ quyền SHTT của họ. Thương mại song song giúp ngăn chặn sự lạm dụng trong phân biệt giá và hành vi thông đồng dựa trên kiểm soát lãnh thổ. Tuy nhiên, những người phản đối thương mại song song lại cho rằng “cần phải cấm cạnh tranh với cùng một nhãn hiệu khi mà nó làm giảm cạnh tranh giữa các nhãn hiệu”¹⁵.

Từ góc độ kinh tế, cả cạnh tranh với cùng một nhãn hiệu và cạnh tranh giữa các nhãn hiệu (inter-brand competition) đều đem lại hệ quả tích cực và tiêu cực. Thực ra, giảm cạnh tranh với cùng nhãn hiệu mang lại lợi ích cho cả người bán lẻ và người tiêu dùng. Cụ thể hơn, điều này giảm chi phí đầu tư cho các dịch vụ tiền và hậu mãi của người bán lẻ. Do đó, người bán lẻ có thể giảm giá bán sản phẩm và người tiêu dùng được hưởng lợi. Cạnh tranh giữa các nhãn hiệu lại tạo ra sự phong phú về sản phẩm cho người tiêu dùng. Các nhà kinh tế tin rằng “khi cạnh tranh giữa các nhãn hiệu thực sự lành mạnh, thông thường những vấn đề về tác động đối với người tiêu dùng do giảm cạnh tranh với cùng một nhãn hiệu sẽ được loại bỏ”¹⁶.

Nhận thức được mối quan hệ giữa 3 yếu tố: cạnh tranh - SHTT - thương mại quốc tế hay cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế, các quốc gia đã đưa những quy định điều chỉnh mối quan hệ hay loại hành vi này vào các công ước quốc tế quan trọng. Trong đó, đặc biệt phải kể đến Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và Hiệp

định TRIPS.

Các dạng hành vi cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế

Xuất phát từ đặc thù của thương mại quốc tế (liên quan đến nhiều quốc gia, nhiều chủ thể kinh doanh và nhiều đối tượng kinh doanh), cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế rất phong phú, đa dạng. Hành vi cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế được chia thành 2 dạng: Hành vi cạnh tranh không lành mạnh; Hành vi hạn chế cạnh tranh. Hai dạng hành vi này được gọi chung là hành vi phản cạnh tranh.

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền sở hữu nói chung chứa đựng các yếu tố sau: Chủ thể thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh tước đoạt thành quả kinh doanh, lợi dụng danh tiếng và uy tín của đối thủ cạnh tranh; Gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh, hoạt động kinh doanh, xuất xứ, tính chất, đặc điểm hàng hóa/dịch vụ; Gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại cho đối thủ cạnh tranh.

Cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế được ghi nhận từ rất sớm trong các công ước quốc tế. Công ước Paris về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (được sửa đổi tại Brussels năm 1910) đã đưa ra định nghĩa cạnh tranh không lành mạnh tại Điều 10 bis. Theo đó, “bất kỳ hành vi cạnh tranh nào đi ngược lại các thông lệ trung thực, thiện chí trong công nghiệp hoặc trong thương mại đều là hành vi cạnh tranh không lành mạnh”. Đồng thời, Điều 10 bis Công ước Paris đưa ra một danh sách không đầy đủ bao gồm



3 hình thức cạnh tranh không lành mạnh bị cấm, gồm: 1- Mọi hành vi nhằm gây ra sự nhầm lẫn, bằng bất kỳ phương tiện nào, với cơ sở, hàng hóa hay hoạt động kinh doanh, thương mại của đối thủ cạnh tranh; 2- Những tuyên bố sai trái trong công việc kinh doanh nhằm làm mất uy tín của cơ sở, hàng hóa hay hoạt động kinh doanh, thương mại của đối thủ cạnh tranh; 3- Những chỉ dẫn hoặc tuyên bố sử dụng trong quá trình kinh doanh nhằm lừa dối công chúng về bản chất, quy trình sản xuất, đặc điểm, sự phù hợp về mục đích, hoặc số lượng của hàng hóa. Trong thực tế, có những hành vi không được liệt kê tại Điều 10 bis Công ước Paris nhưng được pháp luật và/hoặc tòa án các nước coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền SHTT, chẳng hạn như hành vi xâm phạm bí mật kinh doanh, lợi dụng thành quả đầu tư của doanh nghiệp khác.

Hành vi hạn chế cạnh tranh

Nếu như hành vi cạnh tranh không lành mạnh chỉ tác động tới một hoặc một số doanh nghiệp trên thị trường thì hành vi hạn chế cạnh tranh ảnh hưởng tới nhiều doanh nghiệp trên cùng một thị trường và môi trường cạnh tranh; mức độ ảnh hưởng xấu tới cạnh tranh của hành vi hạn chế cạnh tranh lớn hơn so với hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT được quy định trong Hiệp định TRIPS - thỏa thuận

quốc tế quan trọng nhất của WTO về quyền SHTT trong thương mại quốc tế. Hiệp định TRIPS được thiết lập với ý nghĩa là một phần của Các thỏa thuận thương mại đa phương trong vòng Đàm phán Uruguay trong khuôn khổ Thỏa thuận chung về thuế quan và thương mại (GATT). Đây là lần đầu tiên các khía cạnh thương mại của quyền SHTT liên quan đến thương mại quốc tế được đàm phán trong khuôn khổ của GATT¹⁷. Hiệp định là một trong những trụ cột quan trọng nhất của WTO và bảo hộ SHTT trở thành một phần không thể tách rời trong hệ thống thương mại đa phương của WTO. Hiệp định TRIPS bao gồm một số quy định về thực tế chống cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT, cụ thể là Điều 8(2), Điều 31(k) và Điều 40¹⁸.

Hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế có thể tồn tại dưới các dạng cơ bản sau: 1- Thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; 2- Lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền; 3- Tập trung kinh tế. Trong thương mại quốc tế, các thỏa thuận hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT tồn tại tương đối phổ biến. Các thỏa thuận loại này có thể tồn tại dưới các hình thức: thỏa thuận sáp nhập doanh nghiệp, thỏa thuận chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp, gồm li-xăng chéo (cross licensing) và thỏa thuận cùng chuyển giao/sử dụng sáng chế (patent pool). Các điều khoản hạn chế cạnh tranh điển hình trong hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHTT (licensing) như: không kiện tụng (no - challenge clauses), cải tiến và cấp lại (improvements and grant-backs), ràng buộc và trói buộc (tying and bundling), độc quyền lãnh thổ (exclusive territory), thù lao (royalty), giá (price), thời hạn (duration), không cạnh tranh (non-competition clauses), hạn chế

sử dụng (field of use restriction).

Hiện nay, hầu hết các nước phát triển (như Hoa Kỳ, Nhật Bản) tập trung điều chỉnh hành vi hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT. Trong khi đó, thực tế ở các nước đang phát triển (như Việt Nam, Lào, Campuchia) cho thấy: hạn chế cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT còn là vấn đề mới, chưa được quan tâm đúng mức và chưa được giải quyết nhiều; ngược lại, các vụ việc về cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền SHTT phát sinh ngày càng nhiều trong khi cơ sở pháp lý để giải quyết loại vụ việc này chưa hoàn thiện và gây không ít khó khăn cho các cơ quan có thẩm quyền giải quyết¹⁹. Thực tiễn này đặt ra một số yêu cầu sau đối với chúng ta: 1- Nhận thức đầy đủ về loại vụ việc cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế gồm cạnh tranh không lành mạnh và hạn chế cạnh tranh, đây là loại vụ việc phức tạp do liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật và liên quan tới không chỉ pháp luật quốc gia mà còn pháp luật quốc tế; 2- Hoàn thiện cơ sở pháp lý, gồm ít nhất là pháp luật SHTT, pháp luật cạnh tranh, pháp luật hợp đồng để xử lý cạnh tranh liên quan đến quyền SHTT trong thương mại quốc tế; 3- Điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp sao cho tránh bị coi là các hành vi phản cạnh tranh theo pháp luật Việt Nam và/hoặc pháp luật của các quốc gia khác cũng như pháp luật quốc tế. Mục tiêu cuối cùng là thúc đẩy sáng tạo và duy trì môi trường kinh doanh lành mạnh trên phạm vi toàn cầu ■

¹⁹Về mối quan hệ giữa pháp luật SHTT và pháp luật cạnh tranh, xem: L. Peepkorn, *IP Licences and Competition Rules: Striking the Right Balance*, 26 *World Competition* 527, 527-8; S.D. Anderman and J. Kallaugh, *Technology Transfer and The New EU Competition Rules: Intellectual Property Licensing after Modernization*, Oxford University Press, 2006; Pham, Alice, *Competition Law*

and *Intellectual Property Rights: Controlling Abuse or Abusing Control?* CUTS International, Jaipur, India, 2008, tr. 9-13; Drexel, Josef (ed.), *Research Handbook on Intellectual Property and Competition Law*, Edward Elgar, 2008; Czapracka, Katarzyna, *Intellectual Property and the Limits of Antitrust: A Comparative Study of US and EU Approaches*, Edward Elgar, 2009.

²Heimler, Alberto, *Competition law enforcement and IPRs*, Ad-hoc Expert Group on the Role of Competition Law and Policy in Promoting Growth and Development, Geneva, 15 Jul. 2008.

³Jones, Alison and Sufrin, Brenda, *EC Competition Law*, 3rd edn., Oxford University Press, 2008, tr. 3 và 17.

⁴Nguyen, Thanh Tu, *Competition Law in Technology Transfer under the TRIPS Agreement: Implications for Developing Countries*, doctoral dissertation, Lund University, Sweden, 2009, tr. 60.

⁵Xem: *Antitrust-IP Guidelines*, 1995, Mục 10, *EU TT Guidelines*, OJ 2004 C 101/2, đoạn 7.

⁶Hướng dẫn của Ủy ban châu Âu về chuyển giao công nghệ, năm 2004.

⁷Ủy ban Thương mại liên bang Hoa Kỳ/Bộ Tư pháp, *Báo cáo về Thực thi chống độc quyền và quyền SHTT*, 2007.

⁸Về mối quan hệ này, xem Nguyễn Như Quỳnh, *Text book on International Trade Law*, Giáo trình Luật Thương mại quốc tế song ngữ Anh - Việt, NXB Công an nhân dân, Chương II, năm 2012.

⁹Bàn về mối quan hệ giữa tài sản trí tuệ và thương mại quốc tế, Daniel C.K. Chow và Edward Lee cho rằng: "Tài sản trí tuệ liên quan đến hoạt động ngoại thương, ở thời kỳ Phục hưng, Vencie ban hành đạo luật sáng chế đầu tiên nhằm mục đích thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đến thành phố. Sự thật là bảo hộ tài sản trí tuệ và mở rộng thị trường nước ngoài là yếu tố thúc đẩy sự ra đời của nhiều hiệp ước quốc tế cơ bản đầu tiên về sở hữu trí tuệ, chẳng hạn như Công ước Paris và Công ước Berne". Xem: Daniel C.K. Chow and Edward Lee, *International Intellectual Property: Problems, Cases, and Materials*, Thomson West (2006), tr. 4.

¹⁰Để hiểu thêm về nhập khẩu song song và xuất khẩu song song, xem: Mattias Ganslandt and Keith E. Maskus, *IPRs, Parallel Imports and Strategic Behavior*, IFN Working Paper No. 704, 2007, Research Institute of Industrial Economics, Sweden; Carsten Fink and Keith E. Maskus (eds.), *Intellectual Property and Development: Lessons from recent economic research*, A co-publication of the World Bank and Oxford University Press (2005); Christopher Heath, *Parallel Imports and International Trade* <www.wipo.int/edocs/mdocs/sme/en/atrip_gva_99/atrip_gva_99_6.pdf>; Christopher Heath (ed.), *Parallel Imports in Asia*, Kluwer Law International (2004); Frederik M. Abbott, *Parallel Importation: Economic and social welfare dimensions*, the International Institute

of Sustainable Development (2007) <http://www.iisd.org/pdf/2007/parallel_importation.pdf>; Tommaso Valetti and Stefan Szymanski, 'Parallel Trade, International Exhaustion and IPRs: A welfare Analysis', *Journal of Industrial Economics* (2006), 54: 499-526.

¹¹Daniel C.K. Chow and Edward Lee, *International Intellectual Property: Problems, Cases, and Materials*, Thomson West (2006), tr. 4.

¹²Về lập luận này, xem: Abbott, Frederik M., *Parallel Importation: Economic and social welfare dimensions*, the International Institute of Sustainable Development, June 2007 <http://www.iisd.org/pdf/2007/parallel_importation.pdf>, tr. 5.

¹³Stewart, George R. & Tawjik, Myra J. & Irish, Maureen (eds.), *International Trade & Intellectual Property: The Research for a Balanced System*, Westview Press, 1994, tr. 20; Fink, Carsten and Maskus, Keith E. (eds.), *Intellectual Property and Development: Lessons from recent economic research*, A co-publication of the World Bank and Oxford University Press, 2005.

¹⁴OECD, Glossary of Industrial Organisation Economics and Competition Law <<http://stats.oecd.org>>.

¹⁵Stewart, George R. & Tawjik, Myra J. & Irish, Maureen (eds.), *International Trade & Intellectual Property: The Research for a Balanced System*, Westview Press, 1994, tr. 21; Kerrin M. Vautier cũng có quan điểm như vậy về khuyến khích kiểm soát theo chiều dọc đối với cạnh tranh giữa các nhãn hiệu. Xem: Heath, Christopher (ed.), *Parallel Imports in Asia*, Kluwer Law International, 2004, tr. 6.

¹⁶Derek Ridyard, *Intra-and Inter-brand competition - the public policy debate* <<http://www.britishbrandsgroup.org.uk>>.

¹⁷WIPO, *WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use*, WIPO Publication No. 489 (2004), tr. 345 <<http://www.wipo.int/about-ip/en/iprm/>>; Nuno Pires de Carvalho, *The TRIPs Regime of Trademarks and Designs*, Kluwer Law International (2006), tr. 36.

¹⁸Trong một chừng mực nhất định, Điều 6, Điều 31(c), Điều 37(2) Hiệp định TRIPS cũng có thể được coi là những quy định về cạnh tranh. Về hạn chế cạnh tranh trong Hiệp định TRIPS, xem: Nguyễn Như Quỳnh, *Hết quyền đối với nhãn hiệu trong pháp luật, thực tiễn quốc tế và Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2012.

¹⁹Về khẳng định này, xem tài liệu Hội thảo: "SHTT, cạnh tranh và thực thi quyền SHTT: Kinh nghiệm của Việt Nam, Lào, Campuchia", do WIPO và Thanh tra Bộ KH&CN phối hợp tổ chức, Hà Nội, ngày 4-5.6.2013.